



PETROVIETNAM

PV Power SERVICES

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services JSC.;
- Tên giao dịch: PV Power Services;
- Giấy đăng ký kinh doanh số: **0102560459**, do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp sửa đổi lần thứ 08 ngày 20/10/2015 (chuyển đổi từ số 0103021005 cấp lần đầu ngày 27/11/2007);
- Vốn Điều lệ: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**;
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: **150.000.000.000đ (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**
- Địa chỉ giao dịch: Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3 7878186 Fax: (84-24) 3 7878185
- Website: www.pvps.vn
- Mã cổ phiếu: PPS

2. Quá trình hình thành và phát triển

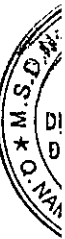
2.1. Thành lập

Ngày 16/7/2007, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) thông qua Đề cương thành lập một số Công ty cổ phần trong đó có phương án thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Ngày 27/11/2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số **0103021005** với số vốn Điều lệ là: **150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng./.)**. Tính đến thời điểm hiện nay, PV Power Services đã 8 lần thay đổi đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ giao dịch, đại diện pháp luật Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 được cấp Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2015 với Mã số doanh nghiệp **0102560459**.

2.2. Niêm yết

- Ngày 28/12/2010, PV Power Services được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 305/2010/GCNCP-VSD chính thức chấp thuận hoạt động lưu ký chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch HNX với mã giao dịch PPS;



- Ngày 07/01/2011, chứng khoán PPS của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam chính thức phiên giao dịch đầu tiên trên sàn HNX với khối lượng trên 100.000 giao dịch thành công.

3. Ngành nghề kinh doanh – Địa bàn hoạt động

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Lắp đặt hệ thống điện (Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW); Sửa chữa thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin;
- Giáo dục khác: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...

3.2. Địa bàn hoạt động

Nhằm tiếp cận thị trường và đặt nền móng cho việc thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp tại khu vực phía Nam, ngày 03/8/2009, PV Power Services tiếp tục thành lập hai Chi nhánh Nhơn Trạch và Cà Mau, bước đầu thiết lập các đơn vị sản xuất trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa, bảo trì tại Nhà máy điện Nhơn Trạch và Nhà máy điện Cà Mau.

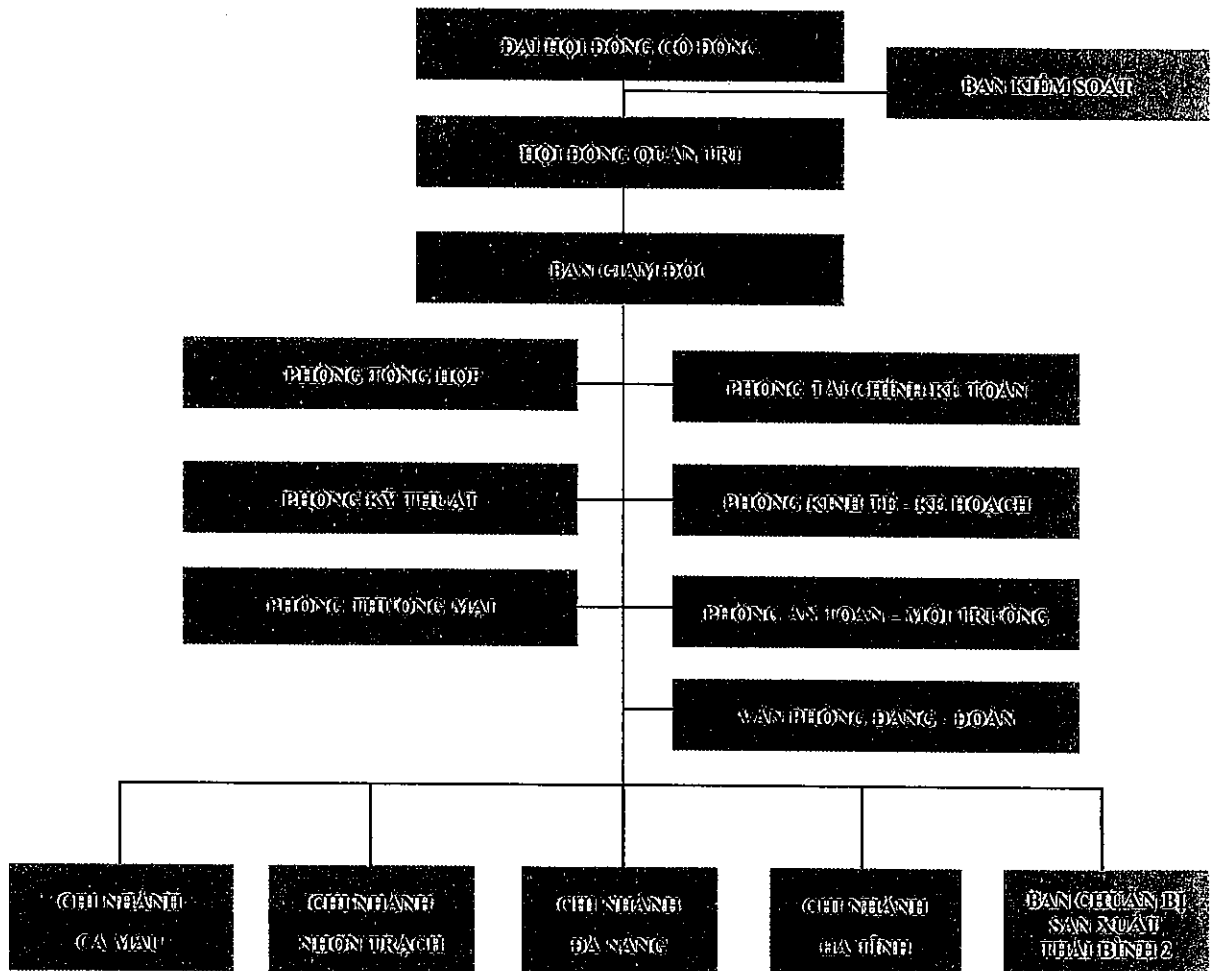
Ngày 12/12/2011, PV Power Services thành lập Chi nhánh Đà Nẵng – Trung tâm thí nghiệm điện là đơn vị chuyên ngành điện lực và tự động hóa điện lực.

Ngày 26/01/2015, Chi nhánh PV Power Services tại Hà Tĩnh được thành lập với nhiệm vụ thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và làm tiền đề tiếp cận và thiết lập bộ máy sản xuất trực tiếp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Ngày 22/4/2016, Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 của PV Power Services được thành lập theo Quyết định số 233/QĐ-DVKT ngày 22/4/2016 của Giám đốc Công ty.

Ngoài ra PV Power Services còn tham gia bảo dưỡng sửa chữa một số nhà máy thủy điện nên có địa bàn hoạt động rộng rãi tại Hòa Na, Quế Phong, Nghệ An, Đăkđrinh, Quảng Ngãi...

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nhiệm vụ thông qua định

hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng Quản trị

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (04) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện trách nhiệm giám sát hoạt động của Người điều hành Công ty thông qua việc thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế phục vụ quản trị nội bộ của Công ty quy định.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát gồm ba (03) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

4.4. Người điều hành Công ty

Người điều hành Công ty của Công ty hiện nay bao gồm: 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Người điều hành Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm chính HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.5. Khối phòng ban chức năng

4.5.1. Phòng Tổng hợp:

Phòng Tổng hợp là bộ phận tham mưu chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác Pháp chế; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; công tác đối ngoại của Công ty.

4.5.2. Phòng Tài chính - Kế toán:

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng Quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất;
- Giúp Hội đồng Quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty, kiểm soát hoạt động tài chính của các đơn vị trực thuộc Công ty theo đúng quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Công ty.
- Bảo đảm đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

4.5.3. Phòng Kinh tế - Kế hoạch:

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý công tác hợp đồng, đầu tư mua sắm trong toàn Công ty; kiểm soát chi phí, định mức kho, thẩm định, trình duyệt đầu tư, phối hợp với văn phòng phía Nam trong việc bảo trì, sửa chữa các nhà máy điện; một số công việc khác của Công ty.

4.5.4. Phòng Kỹ Thuật:

Tham mưu giúp Ban Giám đốc chỉ đạo, quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty;
- Công tác quản lý hợp đồng Bảo trì dài hạn (LTMC);
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất;
- Phối hợp đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn kỹ thuật.

4.5.5. Phòng Thương mại:

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý các công tác sau:

- Tổ chức thực hiện việc cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng trong và ngoài ngành Dầu khí, trong nước và nước ngoài; Phối hợp với các phòng/đơn vị trong Công ty mở rộng thị trường, thiết lập hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối;
- Tổ chức triển khai thực hiện mua sắm thiết bị, máy móc, công cụ, dụng cụ, tài sản, phương tiện, BHLĐ,.. phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tham gia công tác xuất nhập khẩu vật tư phục vụ các nhà máy điện.

4.5.6. Phòng An toàn – Môi trường:

Là phòng chức năng, giúp việc cho Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý trên các lĩnh vực sau:

- Công tác An toàn vệ sinh lao động, Bảo hộ lao động, Phòng chống cháy nổ và Tìm kiếm cứu nạn;
- Công tác bảo vệ môi trường;
- Các công tác khác....

4.5.7. Văn phòng Đảng – Đoàn:

Văn phòng Đảng Đoàn có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Công đoàn Công ty các công tác sau:

- Công tác Đảng: Văn phòng Đảng – Đoàn là cơ quan thuộc hệ thống các ban đảng, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, trực tiếp là giúp Ban Chấp hành, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty và Công đoàn Công ty PVPS; Tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng, Công đoàn; đồng thời là trung tâm thông tin tổng hợp, báo cáo phục vụ sự lãnh đạo của Đảng ủy, Công đoàn Công ty.

- Công tác Công đoàn: Tham mưu giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong lãnh đạo, điều hành, chỉ đạo hoạt động Công đoàn các cấp; Tham mưu cho Ban Thường vụ về tình hình phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn Công ty; Trực tiếp quản lý tài sản và phối hợp với các Phòng chức năng Công ty đảm bảo phục vụ các hoạt động của Công đoàn.

4.6. *Khởi sản xuất trực tiếp*

4.6.1. Chi nhánh Nhơn Trạch:

a. Chức năng

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Đồng Nai theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch

vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;

- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Đồng Nai và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Đồng Nai và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.2. Chi nhánh Cà Mau:

a. Chức năng

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Cà Mau theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Cà Mau và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển

thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;

- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Cà Mau và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.3. Chi nhánh Đà Nẵng:

a. Chức năng

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan.

b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tuyệt đối an toàn và hiệu



quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến công tác thí nghiệm hiệu chỉnh, bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, thủ tục giấy tờ có liên quan...);

- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.4. Chi nhánh Hà Tĩnh:

a. Chức năng:

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Công ty phê duyệt, các nhiệm vụ về sửa chữa, bảo dưỡng và phát triển các dịch vụ liên quan

b. Nhiệm vụ

- Đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- Tổ chức thực hiện việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty tại khu vực Hà Tĩnh theo kế hoạch được giao và sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty;
- Thay mặt Công ty làm việc với các đơn vị mà Công ty tham gia cung cấp dịch vụ; Chính quyền địa phương và các đơn vị khác về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Chi nhánh theo phạm vi được ủy quyền, thường xuyên tiếp xúc, đặt mối quan hệ với các đơn vị khác để giới thiệu các dịch vụ của Công ty cung cấp;
- Nghiên cứu, khảo sát, phân tích và đánh giá thị trường tại khu vực Hà Tĩnh và các vùng lân cận đồng thời tham gia xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển thị trường và đề xuất những phương án điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của từng thị trường;
- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, theo dõi, phối hợp nhằm đảm bảo hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa tại các Cơ quan đơn vị mà Công ty cung cấp dịch vụ tại khu vực Hà Tĩnh và khu vực khác, tuyệt đối an toàn và hiệu quả, theo dõi phối hợp bảo đảm hoàn tất mọi thủ tục liên quan đến việc bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty (thủ tục hành chính, các thủ tục giấy tờ có liên quan...);
- Quản lý, điều hành các hoạt động vốn, tài sản, ngân sách phát sinh tại Chi nhánh trong phạm vi được ủy quyền của Công ty trên cơ sở tuân thủ theo Quy

chế quản lý tài chính, Điều lệ của Công ty; tổ chức quản lý, sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật có hiệu quả;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

4.6.5. Ban chuẩn bị sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện Thái Bình 2:

a. Chức năng:

- Ban CBSX BDSC Thái Bình 2 có chức năng thay mặt Công ty trực tiếp quản lý và tổ chức triển khai công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, của Công ty về phân cấp và ủy quyền;
- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động do Công ty cấp theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty.

b. Nhiệm vụ:

- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 phù hợp với các quy định hiện hành cho đến khi Chi nhánh Thái Bình thuộc Công ty được thành lập;
- Giám sát việc triển khai dự án, tiến độ dự án từ Ban quản lý dự án và nhà thầu; Kịp thời báo cáo Công ty và đề xuất phương án xử lý trong trường hợp có thay đổi, phát sinh, vướng mắc cũng như các thay đổi khác liên quan đến quá trình triển khai thực hiện dự án;
- Tập hợp hồ sơ Thiết kế kỹ thuật/Thiết kế tổng thể đã được các cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt;
- Nghiên cứu, phân loại các tài liệu kỹ thuật theo các lĩnh vực và chuyên ngành: Cơ - nhiệt; Điện; C&I;
- Lập danh mục thiết bị theo sơ đồ công nghệ PID và các tài liệu kỹ thuật liên quan theo các lĩnh vực Cơ - nhiệt, Điện, C&I;
- Xây dựng các quy trình an toàn chung; quy trình bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị Cơ - nhiệt; Điện; C&I.
- Lập lý lịch thiết bị;
- Xây dựng danh mục vật tư dự phòng 2 năm đầu: bao gồm danh mục, số lượng, đặc tính kỹ thuật, các tài liệu kỹ thuật liên quan;
- Xây dựng dự toán sửa chữa, bảo dưỡng: cho các công việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ (Tiểu tu, Trung tu và Đại tu) (trên cơ sở tài liệu O&M, định mức, dự toán VA1 và các tài liệu tham khảo khác) cho các thiết bị Cơ - nhiệt, Điện, C&I:
 - + Phạm vi công việc, biện pháp thi công sửa chữa, bảo dưỡng.
 - + Nhân công thực hiện các công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
 - + Vật tư tiêu hao thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.

- + CCDC để thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng.
- Xây dựng dự toán cho công tác sửa chữa bất thường, bảo vệ chống ăn mòn: phạm vi công việc, biện pháp thi công, nhân công, vật tư tiêu hao, máy thi công và CCDC, chu kỳ và thời gian thực hiện;
- Xây dựng các cơ sở pháp lý để bảo vệ với Tổng công ty và Tập đoàn khi thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
- Lập kế hoạch nhân lực và đào tạo nhân lực bảo dưỡng sửa chữa trình Công ty phê duyệt và tổ chức thực hiện;
- Chuẩn bị các thủ tục để thành lập Chi nhánh Công ty tại Thái Bình;
- Tham gia theo dõi, học tập việc vận hành, hiệu chỉnh và sửa chữa thiết bị trong công tác lắp đặt, quá trình chạy thử, nghiệm thu từng hạng mục công việc, nghiệm thu toàn bộ trước khi được Chủ đầu tư cho phép đi vào hoạt động;
- Tham gia các khóa đào tạo chuyển giao công nghệ tại công trường;
- Báo cáo kết quả thực hiện công việc hàng quý, hàng tháng cũng như báo cáo công việc đột xuất theo yêu cầu của Công ty về tình hình thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Công ty giao.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng PV Power Services phát triển bền vững, hiệu quả, an toàn, linh hoạt, năng động, chủ động áp dụng các giải pháp công nghệ mới, hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong nước và ngoài nước, các nhà sản xuất gốc (OEM) tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến.
- Coi con người là yếu tố then chốt, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công nhân trình độ cao, tác phong chuyên nghiệp.
- Phát triển PV Power Services trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín, chuyên nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng PV Power Services thành đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp;
- Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về quản lý, kỹ thuật, đầu tư khoa học, công nghệ để đảm bảo thực hiện tốt nhất các dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện đã và sẽ đi vào vận hành trong và ngoài PV Power. Chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực sửa chữa cho các nhà máy nhiệt điện mới đưa vào vận hành; Xây dựng và đào tạo đội ngũ nhân lực chuyên gia kỹ thuật cao, sẵn sàng và chủ động.

- Mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Đảm bảo tài chính bền vững và bảo toàn nguồn vốn;
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Mục tiêu của Công ty là phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.
- Công ty luôn gắn bó và thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như:
 - + Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV là con thương binh, liệt sỹ, các gia đình chính sách nhân ngày 27/7;
 - + Tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo, Tổ chức Hội chợ Xuân Mậu Tuất, phát động phong trào ủng hộ các bệnh nhân gặp hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện K Tân Triều;
 - + Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn;
- Công tác chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể:
 - + Tổ chức chương trình du xuân đầu năm cho CBCNV tại Chùa Hương;
 - + Tổ chức chương trình và tặng quà cho nữ CBCNV Công ty vào các dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10;
 - + Tổ chức và tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con CBCNV Công ty nhân dịp Tết Thiếu nhi, Tết Trung thu, phát tặng quà khen thưởng cho các cháu có thành tích cao trong học tập;
 - + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty; Tổ chức nghỉ mát cho CBCNV Công ty với mục đích tái tạo sức lao động và động viên khích lệ tinh thần, gắn kết giữa người lao động...
- Công ty tham gia các sự kiện về môi trường như:
 - + Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới;
 - + Thực hiện kế hoạch đo, kiểm định định môi trường làm việc trong toàn Công ty, từ các phân xưởng sản xuất trực tiếp đến khối văn phòng quản lý;
 - + Công ty trang bị điện thoại nội bộ, hộp nội bộ qua truyền hình trực tuyến để giảm thiểu thời gian di chuyển hướng tới mục tiêu tiết kiệm năng lượng;

+ Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

6. Rủi ro

- Giá trị hàng vật tư nhập khẩu nước ngoài có giá trị rất lớn trong tổng giá thành dịch vụ, do đó PV Power Services luôn có nhu cầu giao dịch bằng ngoại tệ. Vì vậy, những thay đổi về chính sách quản lý tiền tệ, ngoại hối ảnh hưởng rất lớn đến kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Yêu cầu về nhân lực có chất lượng cao ngày cấp thiết, trong khi đó chế độ đãi ngộ cho các chuyên viên/kỹ sư cấp cao còn bị hạn chế bởi các chính sách, pháp luật Nhà nước trong việc chi trả, đối tượng áp dụng... dẫn đến khó thu hút được nhân tài theo yêu cầu;
- Khả năng được đảm nhận việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng các Nhà máy điện sẽ giảm so với thời gian trước đây do áp lực cạnh tranh với các nhà thầu khác trong lĩnh vực hoạt động chính của Công ty đang thực hiện là cung cấp dịch vụ bảo dưỡng cho các Nhà máy điện.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: (Biểu 1)

TT	Nội dung	KH năm 2018	TH năm 2018	Chênh lệch KH-TH	Tỷ lệ TH/KH
I	TỔNG DOANH THU	299,46	306,33	6,86	102%
1	Doanh thu từ dịch vụ trực tiếp của PV Power Services	299,46	249,49	(49,97)	83%
1.1	Doanh thu trực tiếp phần các hợp đồng bảo trì	284,46	229,13	(55,34)	81%
1.2	Doanh thu thực thanh thực chi (thuế, phí các loại)		2,53	2,53	
1.3	Doanh thu khác	15,00	17,53	2,53	117%
1.4	Doanh thu tài chính		0,31	0,31	
2	Doanh thu từ các Nhà thầu phụ của PV Power Services		56,83	56,83	
II	TỔNG CHI PHÍ	278,63	285,39	6,76	102%
1	Chi phí trực tiếp phục vụ sản xuất	264,38	209,58	(54,8)	79%
2	Chi phí thực thanh thực chi		3,67	3,67	

TT	Nội dung	KH năm 2018	TH năm 2018	Chênh lệch KH-TH	Tỷ lệ TH/KH
3	Chi phí thực hiện dịch vụ khác	14,25	15,18	0,93	107%
4	Chi phí tài chính		0,17	0,17	
5.	Chi phí các Nhà thầu phụ của PVPS		56,80	56,80	
III	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	20,83	20,93	0,10	100%
IV	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	16,66	16,69	0,01	100%

Qua số liệu tại Biểu 1 cho thấy: Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 tăng 2%, do tăng doanh thu từ Nhà thầu phụ, doanh thu này không đem lại Lợi nhuận cho PVPS, trong khi doanh thu trực tiếp đem lại Lợi nhuận cho PVPS giảm so với Kế hoạch, chỉ đạt 81% chủ yếu do giảm doanh thu từ Hợp đồng bảo trì sửa chữa NMĐ Vũng Áng 1 (không thực hiện trung tu NMĐ Vũng Áng 1; giá trị SCTX giảm theo HDMR 03 – sau khi kế hoạch được giao và giảm giá trị quyết toán thực hiện SCTX và SCĐK năm 2017).

Trước khó khăn về sút giảm doanh thu như trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tìm kiếm thêm dịch vụ ngoài các Hợp đồng đã ký, đồng thời thực hiện các biện pháp tiết giảm mạnh chi phí nhằm đảm bảo lợi nhuận đề ra. Kết quả Lợi nhuận đạt 20.93/20.83 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành PV Power Services

TT	(Họ và tên)	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT – Giám đốc
3	Ông Phan Thế Hồng	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Mai Văn Long	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên độc lập HĐQT

II	Ban Kiểm soát	
1	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng Ban kiểm soát
III	Người điều hành Công ty	
1	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc
2	Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
4	Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
5	Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
7	Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc
8	Ông Lê Đình Thái	Kế toán trưởng

2.2. Tóm tắt lý lịch

1) Ông Phan Ngọc Hiền – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Sinh ngày: 25/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Kiểm soát
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2007	Báo lao động	Kỹ thuật viên – Trưởng phòng Chế bản
6/2007 - 1/2008	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng Phòng Hành Chính
01/2008- 07/9/2015	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chánh văn phòng
07/9/2015– nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện PV Power : 2.250.000 cổ phiếu ~ 15% Vốn Điều lệ
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2) Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

- Ngày sinh : 28/10/1971
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 36B, Tổ 2, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013328983 do Công an Hà Nội cấp 27/7/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 1997	Văn phòng đại diện Fujitsu tại Hà Nội – Việt Nam	Nhân viên phòng kỹ thuật
1998 – 2002	Công ty TNHH Việt Á	Trưởng phòng Dự án
4/2002 – 7/2007	Văn phòng đại diện SIEMENS AG tại Việt Nam	Nhân viên Ban Năng lượng
10/2007 – 8/2011	Công ty Cổ Phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Phó Tổng Giám đốc
8/2011 – 10/2015	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Trưởng Ban Kỹ Thuật
10/2015 - nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	TV Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện PV Power : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn Điều lệ
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.2.1. Ông Phan Thế Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị từ 15/4/2016

- Sinh ngày: 10/9/1959
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Lý luận chính trị: Cao cấp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1983 – 02/1992	Công ty Xây lắp điện Bắc Thái	Cán bộ kỹ thuật
01/1993 – 3/1994	Công ty Xây lắp điện Bắc Thái	Trưởng Phòng Kế hoạch
04/1994 – 08/1996	Công ty Xây lắp điện Bắc Thái	Trưởng Phòng Vật tư – vận tải
09/1996 – 07/1997	Sở Công nghiệp Thái Nguyên	Chuyên viên Quản lý điện năng
08/1997 – 10/2002	Sở Công nghiệp Thái Nguyên	Phó Phòng quản lý điện năng
11/2002 – 06/2007	Sở Công nghiệp Thái Nguyên	Trưởng Phòng Quản lý điện năng

07/2007 – 12/2007	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban KTKH
01/2008 – 11/2008	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Kỹ thuật
11/2008 – 6/2009	Ban chuẩn bị đầu tư Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban
06/2009 – 04/2011	Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban
08/2011 – 11/2014	Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng Ban
11/2014 – 12/2015	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Giám đốc
12/2015 – 4/2016	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Chánh văn phòng
4/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 9.337 cổ phiếu ~ 0,06% Vốn Điều lệ
 - + Sở hữu đại diện PV Power từ 15/4/2016 : 1.800.000 cổ phiếu ~ 12% Vốn Điều lệ
 - + Những người có liên quan : 0 cổ phiếu
 - Các khoản nợ đối với Công ty : 0 cổ phiếu

3) Ông Ngô Kim Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Ngày sinh : 23/3/1985
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Cầu Tiên, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số CMND : 012512486 do Công an Hà Nội cấp ngày 11/5/2013
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Tự động hóa
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – 2013	Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long	Chuyên viên Phòng Kinh doanh
2014 – nay	Công ty TNHH Tập Đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long	Trưởng Phòng Kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long;
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện : 0 cổ phiếu
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

4) Ông Mai Văn Long – Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách

- Ngày sinh : 09/6/1976
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện kỹ thuật
- Lý luận chính trị: Sơ cấp
- Quá trình công tác:

10
CỔ
CẢ
H V
NL
VIỆ
/ 11

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 4/2004	NMĐ Cần Thơ	Kỹ sư vận hành
4/2004 – 5/2007	Ban Quản lý Dự án Khí – Điện Đạm Cà Mau	Chuyên viên Phòng dự án điện
05/2007–02/2009	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trưởng ca, phó Quản đốc phân xưởng vận hành
02/2009 đến nay	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Ban kỹ thuật

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó ban Kỹ thuật Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện : 0 cổ phiếu
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

5) Ông Phạm Hùng Anh – Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày sinh : 17/8/1974
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Long
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán
- Lý luận chính trị: Trung cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1996 - 6/2004	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng, Bí thư Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh khối cơ quan Tổng công ty (từ ngày 1/9/1996).	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán

7/2004 - 7/2005	Công ty Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật – Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng.	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
8/2005 - 1/2008	Công ty Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Trưởng phòng Kế toán Tài chính
2/2008 - 8/2011	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
9/2011- 11/2018	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán
11/2018 - nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 1000 cổ phiếu
 - + Sở hữu đại diện : 0 cổ phiếu
 - + Những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

6) Ông Bùi Duy Nhị – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 28/9/1964
- Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P 210, nhà A1, Thành Công, Ba Đình, Hà nội
- Số CMND : 012669156 do Công an Hà Nội cấp 07/3/2008
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1988-9/1991	Xí nghiệp Xăng dầu Nghệ Tĩnh – Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Chuyên viên lao động – tiền lương

10/1991-7/1995	Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh;	Phó trưởng phòng TCCB-LĐTL
8/1995-8/1999	Công ty Vận tải xăng dầu Petrolimex Nghệ Tĩnh	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
9/1999-11/2001	Chi nhánh XNK Petrolimex Hà Nội	Trưởng phòng Tổ chức hành chính
12/2001-9/2002	Công ty xăng dầu khu vực I, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Chuyên viên Tổ chức Lao động tiền lương
10/2002-6/2007	Công ty xăng dầu khu vực I, Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động tiền lương
6/2007-12/2007	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó phòng Tổ chức nhân sự - Ban Tổng hợp
1/2008-8/2011	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó trưởng Ban tổ chức nhân sự
1/9/2011 – nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

7) Ông Mã Ngọc Kỳ – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 12/12/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 5/99/16^a, đường Nơ Trang Long, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số CMND : 025337620 do Công an TP. HCM cấp 28/7/2010

- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2002	Phân xưởng sửa chữa – Điện Phú Mỹ	Kỹ sư
2002 – 2007	Công ty Điện lực Phú Mỹ BOT	Kỹ sư phòng Bảo trì
2008 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

8) Ông Vũ Quang Dũng – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 19/10/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 7 ngõ 204 Thụy Khê, Hà Nội
- Số CMND : 011917386 do Công an Tp. Hà Nội cấp 16/02/2004
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-10/2008	Công ty Intergraph	Trưởng phòng dự án
10/2008-10/2010	GP Link JSC	Giám đốc
2010-8/2011	PVC&I	Tổng Giám đốc

8/2011-nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc
------------	--	--------------

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

9) Ông Phùng Văn Đức – Phó Giám đốc

- Ngày sinh : 07/11/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật ngành XDCT thủy
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2002-10/2007	Công ty Tư vấn & CGCN – Đại học Thủy lợi	Cán bộ/Phó phòng phụ trách phòng KTKH
11/2007-02/2008	Công ty Tư vấn & CGCN – Đại học Thủy lợi	Trưởng phòng KHKT
03/2008-29/4/2009	PV Power PMCI	Cán bộ/Phó phòng KTKH
1/5/2009-1/7/2010	PV Power PMCI	Trưởng phòng KTKH
1/7/2010-9/9/2010	Công ty CP tư vấn dự án Điện lực Dầu khí	Trưởng ban KTKH
9/9/2010-15/7/2014	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng ban KTKH
15/7/2014-	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt	Trưởng ban KTKH

31/8/2016	Nam	
01/9/2016- 30/4/2017	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Trưởng Ban PC&QHCC
Từ 01/5/2017 – nay	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

10) Ông Lê Đình Thái – Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 15/11/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thạch Long – Thạch Hà – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: P 2036, tòa nhà VNT, 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
- Số CMND : 013571798 do Công an Hà Nội cấp ngày 31/8/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2003 – 5/2007	Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908	Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán
6/2007 – 4/2008	Công ty CP Sông Đà 9 – Chi nhánh Sông Đà 908	Phó trưởng Ban Tài chính – Kế toán
5/2008 – 2/2012	Công ty TNHH 1 thành viên Sông Đà 908 – Công ty CP Sông Đà 9	Kế toán trưởng

3/2012 – 3/2015	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán
4/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu
 - + Người có liên quan : 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành

TT	Chức danh	Cũ	Mới	Thời điểm
1	Trưởng Ban Kiểm soát	Lê Quốc Vinh	Phạm Hùng Anh	07/11/2018
2	Phó Giám đốc	Đình Quang Hưng		Chuyển công tác từ 30/9/2018

3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Trong thời gian qua, đội ngũ CBCNV Công ty không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 28/02/2019, tổng số cán bộ công nhân viên là 560 người. Trong tổng số 560 CBCNV có:

- + Tiền sỹ: 0 người
 - + Thạc sỹ: 22 người
 - + Đại học: 299 người
 - + Cao đẳng: 46 người
 - + Trung cấp: 100 người
 - + Công nhân kỹ thuật, lái xe: 93 người
 - + Lao động phổ thông: 0 người
 - + Cán bộ nữ: 65 người
 - + Tuổi trung bình cán bộ: 34
- Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến

khích CBCNV và người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đảm bảo cho 100% CBCNV được ký Hợp đồng lao động, trong đó:
 - + Lao động không phải ký HĐLĐ: 09 người, chiếm 1,6%
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 440 người, chiếm 78,57%
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 đến 5 năm: 111 người, chiếm 19,8%
 - + Hợp đồng thử việc: 0 người.
 - + Hợp đồng khoán việc, thời vụ (ngoài danh sách): 0.
- Công tác tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đặc biệt PVPS đã ký với PVI Hợp đồng “Bảo hiểm con người với trách nhiệm cao”, giải quyết tốt chế độ chính sách kịp thời cho người lao động; chăm lo đời sống cho CBCNV và người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước của ngành và Công ty.
- Công ty đã thực hiện đúng quy chế trả lương, thưởng cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty năm 2018 là: 17,83 triệu đồng/người/tháng.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. Các khoản đầu tư lớn: Không có

4.2. Các Công ty con, Công ty liên kết

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC);
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ: 11,90% Vốn Điều lệ PAIC;
- Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà INCON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội;
- Giấy đăng ký KD số: 0103035042;
- Vốn Điều lệ: 42.352.900.000 đ.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
 - + Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;

- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty;
 - + Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
 - + Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu;
 - + Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo, lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử;
 - + Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông;
 - + Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa;
 - + Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, thẩm tra tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu, các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa, cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu;
 - + Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa.
- Tỷ lệ PV Power Services nắm giữ cổ phần tại PV Tech (PAIC): 11,90% Vốn Điều lệ
 - Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	% so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	đ	61,766,465,643	92,194,808,833	149.26%
Doanh thu thuần	đ	74,615,979,672	94,038,867,287	126.03%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	đ	3,938,115,919	3,511,541,284	89.17%
Lợi nhuận trước thuế	đ	2,327,662,284	1,735,885,229	74.58%
Lợi nhuận sau thuế	đ	1,497,150,008	876,117,882	58.52%

(Nguồn dữ liệu: Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính 2018 của PAIC)

5. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

(Biểu 2)

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng tài sản	tỷ đ	3.060,31	2.988,73
2	Tổng nợ phải trả	tỷ đ	2.866,46	2.801,32
3	Tài sản ngắn hạn	tỷ đ	2.976,23	2.915,91
4	Tổng nợ ngắn hạn	tỷ đ	2.863,99	2.799,32
5	Doanh thu + Thu nhập	tỷ đ	1.375,87	306,33
6	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	32,05	20,93
7	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	25,61	16,69
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ	1.366	890
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	12	9

Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức 2018 chỉ mang tính chất dự báo, tỷ lệ chi trả chính thức phải được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2019.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Biểu 3)

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1.04	1.04
	Hệ số thanh toán bằng tiền	0.17	0.15
2	Cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.94	0.94

	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	14.79	14.95
	Hệ số bảo toàn vốn	1.00	0.97
3	Năng lực hoạt động		
	Vòng quay nợ phải thu	3.14	0.72
	Vòng quay hàng tồn kho	0.55	0.09
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.45	0.1
4	Khả năng sinh lời		
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1.86%	5.46%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	13.23%	8.76%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0.83%	0.55%

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số C532/2018-PPS/VSD-ĐK chốt ngày 19/10/2018 do Trung tâm lưu ký chứng khoán ban hành ngày 23/10/2018)

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 Cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 11.812.700 Cổ phần;
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.187.300 Cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn: 3 cổ đông, nắm giữ 11.812.700 cổ phần tương đương 79% tổng số cổ phần:
 - + Cổ đông là tổ chức nhà nước: 1 cổ đông, nắm giữ 7.650.000 cổ phần, tương đương 51% tổng số cổ phần;
 - + Cổ đông là tổ chức nước ngoài: 2 cổ đông, nắm giữ 4.162.700 cổ phần, tương đương 28% tổng số cổ phần.
- Các cổ đông khác nắm giữ: 3.187.300 cổ phần, tương đương 21% tổng số cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: không có

e. *Các chứng khoán khác*: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

a. Các chỉ tiêu chủ yếu

(Biểu 4) Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	299,46	306,33	102%
1	Doanh thu trực tiếp	299,46	249,49	83%
1.1	<i>Doanh thu từ các Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng</i>	284,46	229,13	81%
1.2	<i>Doanh thu thực thanh thực chi</i>	-	2,53	
1.3	<i>Doanh thu từ các dịch vụ ngoài</i>	15,00	17,53	117%
1.4	<i>Doanh thu tài chính</i>	-	0,31	
2	Doanh thu từ nhà thầu phụ		56,83	
II	Tổng chi phí	278,63	285,39	102%
1	Chi phí trực tiếp từ các Hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng	204,83	162,64	79%
2	Chi phí trực tiếp từ các dịch vụ ngoài	14,25	15,18	107%
4	Chi phí thực thanh thực chi		3,67	
5	Chi phí quản lý	59,56	46,94	79%
6	Chi phí tài chính		0,17	
3	Chi phí nhà thầu phụ		56,80	
III	Lợi nhuận trước thuế	20,83	20,93	100%
IV	Lợi nhuận sau thuế	16,66	16,67	100%

Như đã báo cáo và phân tích tại *Biểu 1, Biểu 2, Biểu 3* và *Biểu 4*, Người điều hành Công ty đánh giá PV Power Services đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được

giao, duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, trong đó những yếu tố quan trọng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty được xác định như sau:

- Duy trì công tác bảo trì, sửa chữa các Nhà máy điện khí Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 được ổn định, đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng kỹ thuật.
- Hoàn thành nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1;
- Lợi nhuận mang lại từ các hoạt động dịch vụ ngoài chiếm tỷ trọng không nhỏ trong kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Điều đó cho thấy việc mở rộng thị trường, khai thác các dịch vụ ngoài mục tiêu kinh doanh truyền thống của Công ty là chủ trương đúng đắn, tạo thế chủ động sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, kích thích sự tăng trưởng trong tương lai;

b. Những tiên bộ đã đạt được

Năm 2018, Công ty dưới sự chỉ đạo điều hành sáng suốt của Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

- Doanh thu: 306,33/299,46 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch
- Chi phí: 285,39/278,63 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 20,93/20,83 tỉ đồng, đạt 100% kế hoạch

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Sửa đổi và ban hành Hệ thống tiêu chuẩn chức danh và định biên lao động tại các phòng ban, đơn vị sản xuất ... hoàn thiện hệ thống pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị và điều hành Công ty;
- Chuyển đổi và hợp nhất thành công Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và Hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe và Môi trường ISO 14001:2004 nâng cao hiệu quản lý và phối hợp giữa hệ thống quản lý và hệ thống sản xuất trực tiếp;
- Nghiên cứu, xây dựng chính sách cho cán bộ, công nhân, nhân viên bậc cao;
- Chỉ đạo xây dựng phương án tái cơ cấu, tinh gọn bộ máy quản lý.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình sử dụng tài sản, công nợ (xem *Biểu 3*)
- Giá trị ròng của Doanh nghiệp tại 31/12/2018: **187.418.084.224 đ**
- Số lượng cổ phần hiện hữu: **15.000.000 Cổ phần**

- Giá trị ghi sổ của cổ phiếu tại 31/12/2018: **12.494 đ/Cổ phần**
- Tính đến thời điểm hiện tại, PV Power Services không phát sinh nợ xấu

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xây dựng PV Power Services thành một đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho các Nhà máy điện khí và điện than
- Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về quản lý, kỹ thuật, đầu tư khoa học, công nghệ để đảm bảo thực hiện tốt nhất các dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện đã và sẽ đi vào vận hành trong và ngoài PV Power
- Mở rộng sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Đảm bảo tài chính bền vững và bảo toàn nguồn vốn;
- Xúc tiến mạnh mẽ, tìm kiếm cơ hội tham gia cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong và ngoài ngành Dầu khí và các đối tác tiềm năng khác. Phấn đấu tăng doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật ngoài các đối tác truyền thống sẵn có;
- Đầu tư phát triển: Với mục tiêu gia tăng tỷ lệ nội địa hoá, tìm kiếm và tận dụng cơ hội nhằm tăng tính tự chủ, giảm dần sự phụ thuộc vào nhà sản xuất OEM nói riêng cũng như phát triển đa dạng hoá hình thức cung cấp dịch vụ kỹ thuật khác, tiến hành đầu tư một số trung tâm đào tạo và sửa chữa

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua;
- Các tiêu chí bảo toàn vốn, hiệu suất sử dụng vốn đều phản ánh sự ổn định, an toàn trong việc sử dụng vốn;

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Người điều hành Công ty Công ty

2.1. Về thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bám sát kế hoạch được giao, cụ thể:
 - + Doanh thu đạt: ~ 102 % kế hoạch được giao
 - + Lợi nhuận đạt: 102 % kế hoạch được giao
 - + Hệ số bảo toàn vốn: = 1
- Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

2.2. Về công tác quản lý điều hành

- Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp lý trong công tác quản lý để hiệu chỉnh, cập nhật thông tin quản lý phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty qua từng thời kỳ;
- Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp nhân lực theo đúng chức danh, công việc, đánh giá hiệu quả công việc để áp dụng mức lương tương ứng. Phân công, phân cấp quản lý trong ban lãnh đạo theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động chi tiêu, quản lý sản xuất tại các Chi nhánh. Tuân thủ Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật;

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

- Chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Đồng thời hỗ trợ và phối hợp cùng Người điều hành Công ty Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất;
- Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai và đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu tổ chức công ty phù hợp với chủ trương của Nhà nước và Tập đoàn Dầu khí. Chỉ đạo thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại PAIC;
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng Quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Người điều hành Công ty Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông công ty;
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc đảm bảo thu nhập và chăm sóc quyền lợi chính đáng cho người lao động;
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên, cơ cấu Hội đồng Quản trị

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch HĐQT	15%	Không

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
2	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm GD Công ty	12%	Không
3	Ông Mai Văn Long	Thành viên HĐQT	12%	Phó Trưởng ban Kỹ thuật PV Power
4	Ông Phan Thế Hồng	Thành viên HĐQT chuyên trách	12%	Không
5	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập	Giám đốc Kinh doanh-Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long

b. Các tiểu ban Hội đồng Quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Định kỳ hàng tháng và bất thường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách đã thay mặt Hội đồng Quản trị tham dự các cuộc họp giao ban với Người điều hành Công ty, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các dự án, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

Trong những trường hợp phát sinh các vấn đề trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị /Đại hội đồng Cổ đông, trên cơ sở các tờ trình của Giám đốc Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo lấy ý kiến các thành viên/cổ đông để ban hành các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông/ Hội đồng Quản trị kịp thời.

Trong năm 2018 Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát các hoạt động:

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và xác định mục tiêu cụ thể cho từng tháng/Quý cho năm 2018.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 16/4/2018 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 vào ngày 07/11/2018.

- Xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng Quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2018.
- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý vật tư, nguồn nhân lực,... nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp tốt với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2018.
- Hội đồng Quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp định kỳ theo Quý, cụ thể như sau:

❖ **1. Họp HĐQT quý I.2018 ngày 08/5/2018**

Nội dung:

- Sửa đổi, bổ sung Bộ định mức kinh tế kỹ thuật (vật tư tiêu hao, vật tư thay thế và nhân công) trong quá trình Bảo dưỡng sửa chữa thực tế.
- Xử lý hàng tồn kho của Siemens AG trên báo cáo tài chính.
- Báo cáo hiệu quả đầu tư giai đoạn 1 máy cân bằng động và các thiết bị quay.
- Xây dựng kế hoạch và phương án thực hiện công tác BDSC NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2 sau khi kết thúc các HĐ BDSC dài hạn.
- Xây dựng Quy chế kinh doanh dịch vụ ngoài BDSC các NMD.
- Phân tích hiệu quả từng hợp đồng năm 2017.
- Công tác thoái vốn tại PAIC.
- Báo cáo sơ kết tình hình SXKD Quý I.2018; Rà soát kế hoạch SXKD năm 2018 để HĐQT giao kế hoạch SXKD năm 2018 chính thức của Công ty.
- Báo cáo đánh giá việc thực hiện các gói thầu và công tác dịch vụ ngoài năm 2017.
- Báo cáo tình hình thực hiện quyết toán hợp đồng mở rộng số 02 và phương án đàm phán hợp đồng BDSC NMD Vũng Áng năm 2018.

- Báo cáo kế hoạch chuẩn bị công tác BDSC của Ban CBSX Thái Bình 2.

Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:

- HĐQT thông qua kết quả một số chỉ tiêu SXKD chính của Công ty trong Quý I.2018.

❖ **2. Hop HĐQT Quý II/2018 ngày 14/9/2018:**

- Cập nhật chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (vật tư tiêu hao, vật tư thay thế và nhân công) trong quá trình Bảo dưỡng sửa chữa thực tế.
- Xử lý hàng tồn kho của Siemens AG trên báo cáo tài chính.
- Báo cáo đánh giá kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty;
- Công tác thực hiện Trung tu NMD Cà Mau 2 năm 2018;
- Các giải pháp hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty;
- Chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2018 để giới thiệu, bầu Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Xem xét khả năng chi trả cổ tức năm 2017;
- Phương án tái cơ cấu Công ty;

❖ **3. Hop HĐQT Quý III/2018 ngày 29/11/2018**

Nội dung:

- Cập nhật chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (vật tư tiêu hao, vật tư thay thế và nhân công) trong quá trình Bảo dưỡng sửa chữa thực tế;
- Xử lý hàng tồn kho của Siemens AG trên báo cáo tài chính;
- Thoái vốn Công ty tại PAIC.
- Báo cáo đánh giá kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Công ty;
- Công tác thực hiện Tiêu tu NMD Cà Mau 1 năm 2018;
- Phương án tái cơ cấu Công ty.

❖ **4. Hop HĐQT Quý IV/2018 ngày 25/01/2019**

Nội dung:

- Cập nhật chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (vật tư tiêu hao, vật tư thay thế và nhân công) trong quá trình Bảo dưỡng sửa chữa thực tế;
- Xử lý hàng tồn kho của Siemens AG trên báo cáo tài chính;
- Thoái vốn Công ty tại PAIC;
- Phương án tái cơ cấu Công ty;
- Xây dựng Quy chế quản lý vốn bằng tiền;

- Đánh giá tổng thể kết quả SXKD năm 2018 và phương hướng cụ thể để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2019 của Công ty;
- Tổng kết công tác phát triển dịch vụ của Công ty năm 2018;
- Báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát Quý IV/2018.

Kết quả: Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo Cập nhật bộ chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật (vật tư tiêu hao, vật tư thay thế và nhân công) trong quá trình Bảo dưỡng sửa chữa thực tế của Công ty.

d. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: Không có

e. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Ông Phan Ngọc Hiền: Thạc sĩ Tài chính – Kiểm soát

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ Cổ phần
1	Ông Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS từ ngày 07/11/2018	
2	Ông Lê Quốc Vinh	Thôi giữ chức Trưởng BKS từ ngày 07/11/2018	0%
3	Ông Nguyễn Quang Đông	Kiểm soát viên	0%
4	Ông Lữ Văn Thụ	Kiểm soát viên	0%

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

a. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ: Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm soát hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua.

- **Nội dung kiểm tra, giám sát:**

- + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động quản lý, điều hành SXKD; tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính (theo Luật Doanh nghiệp);

- + Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị (theo Luật Doanh nghiệp);
 - + Đánh giá việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc cơ quan nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền tại Công ty;
 - + Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tổng Công ty, của Người đại diện Tổng Công ty tại doanh nghiệp (;
 - + Đánh giá việc ban hành và thực hiện các Quy chế, Quy trình, Quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và Người điều hành Công ty.
- **Phạm vi kiểm tra, giám sát:** Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2018 thuộc trách nhiệm của Người điều hành Công ty; Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo. Ban Kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, do đó Ban Kiểm soát tiến hành kiểm soát trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

- Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc chủ động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ. Trước mỗi kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát họp để xây dựng chương trình, phạm vi kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm soát phân công các thành viên thực hiện công tác kiểm tra theo từng nội dung công việc cụ thể. Kết quả kiểm tra sẽ được các thành viên Ban Kiểm soát trao đổi thống nhất trước khi Trưởng ban Kiểm soát tổng hợp thành báo cáo trình ĐHĐCĐ theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định BCTC hàng quý/bán niên/năm và đưa ra các ý kiến đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và không thực hiện

các hoạt động kiểm tra bất thường. Các kiến nghị của BKS trong các báo cáo kiểm tra định kỳ đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty ghi nhận và thực hiện trong công tác quản trị và quản lý Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành Công ty:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương		Đơn giá tiền lương		Ăn ca
			Cơ bản	Chức danh	Cơ bản	Chức danh	
1	Ô. Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch HĐQT	6.97	36	1,300,000	1,000,000	680,000
2	Ô. Phan Thế Hồng	Thành viên HĐQT	5.98	29	1,300,000	1,000,000	680,000
3	Ô. Phạm Hùng Anh	Trưởng BKS	5.98	21	1,300,000	1,000,000	680,000
4	Ô. Nguyễn M. Tuấn	Thành viên HĐQT, Giám đốc	6.64	36	1,300,000	1,000,000	680,000
5	Ô. Bùi Duy Nhị	P. Giám đốc	6.31	32	1,300,000	1,000,000	680,000
6	Ô. Mã Ngọc Kỳ	P. Giám đốc	6.31	32	1,300,000	1,000,000	680,000
7	Ô. Vũ Quang Dũng	P. Giám đốc	6.31	32	1,300,000	1,000,000	680,000
8	Ô. Phùng Văn Đức	P. Giám đốc	5.98	26	1,300,000	1,000,000	680,000
9	Ô. Lê Đình Thái	Kế toán trưởng	5.65	24	1,300,000	1,000,000	680,000

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/ tháng
1	Ông Mai Văn Long	Thành viên HĐQT	3.000.000
2	Ông Ngô Kim Sơn	Thành viên độc lập HĐQT	3.000.000
3	Ông Nguyễn Quang Đông	Thành viên BKS	2.000.000
4	Ông Lữ Văn Thụ	Thành viên BKS	2.000.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có.

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Deloitte

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 6288 3568
Fax: +84 24 6288 5678
Website: www.deloitte.com/vn

Số: 550 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.



12
VG
KH
KH
PH

12
Y
KH
KH
PH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả người bán của Công ty bao gồm khoảng 2.481 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.481 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2). Công ty đã ký các biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể hợp đồng bảo dưỡng với nhà thầu và các nhà máy điện và đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết với các bên liên quan. Theo đó, số dư hàng tồn kho và công nợ phải trả sẽ được điều chỉnh khi Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Lương Tâm
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2303-2018-001-1

01
01
VI
NL
VII
TU

01
01
VI
NL
VII
TU

2. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM MÃ SỐ B 01-DN
 Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Nam Từ Liêm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.915.912.637.605	2.976.229.823.064
I. Tiền	110		14.934.230.585	22.953.230.616
1. Tiền	111	4	14.934.230.585	22.953.230.616
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		398.459.180.810	448.322.555.639
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	378.482.878.473	445.331.262.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		183.082.990	1.161.260.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	19.793.219.347	1.830.032.753
III. Hàng tồn kho	140	7	2.494.703.391.287	2.494.096.302.468
1. Hàng tồn kho	141		2.494.703.391.287	2.494.096.302.468
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.815.834.923	10.857.734.341
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.815.834.923	10.857.734.341
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.822.102.346	84.080.054.368
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.860.000	37.860.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	37.860.000	37.860.000
II. Tài sản cố định	220		38.114.582.752	45.640.375.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	37.932.729.730	45.390.143.723
- Nguyên giá	222		84.908.710.045	82.513.747.884
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.975.980.315)	(37.123.604.161)
2. Tài sản cố định vô hình	227		181.853.022	250.231.773
- Nguyên giá	228		566.717.000	590.414.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(384.863.978)	(340.182.977)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	5.040.000.000	5.040.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		29.629.659.594	33.361.818.872
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	29.629.659.594	33.361.818.872
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.988.734.739.951	3.060.309.877.432

025
 TY
 CÁN
 P TH
 DẦU
 KHÍ
 VIỆT
 NAM

C.P.

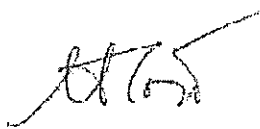
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.801.316.655.727	2.866.462.563.616
I. Nợ ngắn hạn	310		2.799.323.986.072	2.863.988.817.138
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.672.189.220.301	2.688.580.523.086
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	60.916.304.883	64.961.112.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.900.047.083	5.655.357.427
4. Phải trả người lao động	314		26.798.746.463	18.923.826.164
5. Chu phí phải trả ngắn hạn	315	14	1.911.876.367	66.946.957.380
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	29.565.959.135	15.048.633.507
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	367.800.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.041.831.840	3.504.606.706
II. Nợ dài hạn	330		1.992.669.655	2.473.746.478
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.992.669.655	2.473.746.478
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.418.084.224	193.847.313.816
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	187.418.084.224	193.847.313.816
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	18.125.730.608
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.731.089.648	25.721.583.208
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		37.791.302	108.943.529
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		16.693.298.346	25.612.639.679
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.988.734.739.951	3.060.309.877.432

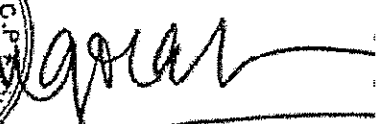


Nguyễn Thị Mai Hoa
 Người lập biểu



Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng





Nguyễn Minh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2019

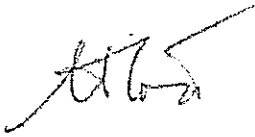
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	311.346.900.329	1.375.396.672.391
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	5.709.545.384	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		305.637.354.945	1.375.396.672.391
4. Giá vốn hàng bán	11	19	236.617.172.823	1.292.985.666.557
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		69.020.182.122	82.411.005.834
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		310.229.687	382.308.001
7. Chi phí tài chính	22		172.973.757	54.187.534
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.748.643	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		48.603.615.087	50.755.611.797
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		20.553.822.965	31.983.514.504
10. Thu nhập khác	31		379.363.631	88.619.880
11. Chi phí khác	32		1.000.000	23.585.160
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		378.363.631	65.034.720
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.932.186.596	32.048.549.224
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	4.238.888.250	6.435.909.545
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		16.693.298.346	25.612.639.679
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22		1.366


 Nguyễn Thị Mai Hoa
 Người lập biểu


 Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Minh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2019

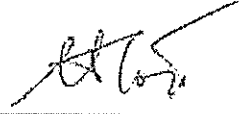
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

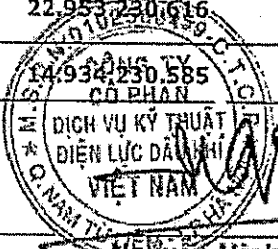

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.932.186.596	32.048.549.224
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10.559.606.445	9.569.409.411
Các khoản dự phòng	03	(367.800.000)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(71.591.653)	(382.307.579)
Chi phí lãi vay	06	28.748.643	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.081.150.031	41.235.651.056
3. Giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	52.905.274.247	31.090.155.052
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(607.088.819)	5.070.366.865
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	11	(81.398.966.982)	(59.211.472.577)
Tiền lãi vay đã trả	12	3.703.743.782	(943.333.186)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(28.748.643)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(5.512.692.522)	(4.575.334.792)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17	(411.229.335)	-
	20	(268.558.241)	12.666.032.418
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.449.445.693)	(18.314.129.652)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.927.273	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	68.664.380	382.307.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.377.854.040)	(17.931.822.073)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.800.992.429	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.800.992.429)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.372.587.750)	(17.262.392.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.372.587.750)	(17.262.392.228)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(8.019.000.031)	(22.528.181.883)
Tiền đầu năm	60	22.953.230.616	45.481.412.499
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	14.934.230.585	22.953.230.616


 Nguyễn Thị Mai Hoa
 Người lập biểu


 Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Minh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVPower").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 561 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 612).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

125
IG
EM
311
N
11
11
11

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc, và giữa các đơn vị phụ thuộc với văn phòng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là "phần mềm"), được phân ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	919.224.754	136.106.334
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.015.005.831	22.817.124.282
	<u>14.934.230.585</u>	<u>22.953.230.616</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm 5.180.352.640 VND tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương đang tạm ngừng giao dịch (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.153.492.540 VND). Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Phải thu các bên liên quan		
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (i)	199.124.626.588	296.332.443.494
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	88.558.206.867	70.832.511.352
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	52.060.171.262	18.609.673.117
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	34.236.503.896	54.053.164.719
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	195.357.355	4.088.834.164
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	3.418.185.760	88.470.553
b. Phải thu khách hàng khác		
Các khách hàng khác	889.826.745	1.326.165.487
	<u>378.482.878.473</u>	<u>445.331.262.886</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch bao gồm 172.243.844.962 VND, tương đương 6.651.961 EUR (Tại 31 ngày 12 năm 2017: 172.243.844.962 VND, tương đương EUR 6.651.961 EUR) liên quan đến phụ lục số 38 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của hợp đồng 38/PVP-PVPS/2010/LTMA-NT1 ngày 04 tháng 8 năm 2010 về việc cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Số tiền này sẽ được quyết toán sau khi hai bên thanh lý Phụ lục hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem Thuyết minh số 23) (i)	13.416.687.953	-
BHXH, BHYT, BHTN phải thu người lao động	5.039.014.224	-
Tạm ứng	1.110.187.126	1.467.733.746
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	147.447.875	147.447.875
Phải thu ngắn hạn khác	79.882.169	214.851.132
	<u>19.793.219.347</u>	<u>1.830.032.753</u>
b. Dài hạn		
	37.860.000	37.860.000
	<u>37.860.000</u>	<u>37.860.000</u>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã phản ánh khoản phải thu Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch và Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh liên quan đến doanh thu sửa chữa thường xuyên đã hoàn thành trong năm với số tiền lần lượt là 7.083.705.332 VND và 6.332.982.621 VND vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	467.469.546.718	-	467.342.173.107	-
- Nguyên liệu, vật liệu nhập từ Siemens (i)	465.378.200.574	-	465.378.200.574	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	191.967.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.027.233.844.569	-	2.026.562.162.361	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang liên quan đến vật tư, thiết bị nhập từ Siemens (ii)	2.016.050.397.300	-	2.016.050.397.300	-
	2.494.703.391.287	-	2.494.096.302.468	-

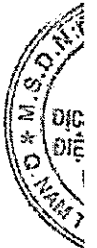
(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn với số tiền khoảng 465 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 465 tỷ VND).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) với số tiền khoảng 2.016 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: khoảng 2.016 tỷ VND).

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Công ty, nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ký ngày 28 tháng 11 năm 2009. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2: (i) thay thế Công ty trở thành khách hàng trực tiếp của nhà thầu Siemens và (ii) kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn ký ngày 28 tháng 11 năm 2009 giữa Công ty và nhà thầu Siemens và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, Công ty, nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 ký ngày 03 tháng 10 năm 2008. Theo đó, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau: (i) thay thế Công ty trở thành khách hàng trực tiếp của nhà thầu Siemens và (ii) kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn ký ngày 03 tháng 10 năm 2008 giữa Công ty và nhà thầu Siemens và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết với các bên liên quan. Theo đó, số dư hàng tồn kho và công nợ phải trả (như trình bày tại Thuyết minh số 11) sẽ được điều chỉnh khi Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan.



KẾ TÍNH TOÁN

TỔNG KẾ TÍNH TOÁN VI

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.334.200.000	36.731.444.840	18.869.746.909	25.578.356.135	82.513.747.884
Tăng trong năm	-	1.259.500.238	1.743.745.455	72.000.000	3.075.245.693
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.198.000)	-	(611.085.532)	(680.283.532)
Số dư cuối năm	1.334.200.000	37.921.747.078	20.613.492.364	25.039.270.603	84.908.710.045
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	383.676.484	13.840.168.053	10.919.196.051	11.980.563.573	37.123.604.161
Khấu hao trong năm	244.873.296	4.583.471.528	2.143.239.932	3.561.074.930	10.532.659.686
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.198.000)	-	(611.085.532)	(680.283.532)
Số dư cuối năm	628.549.780	18.354.441.581	13.062.435.983	14.930.552.971	46.975.980.315
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	950.523.516	22.891.276.787	7.950.550.858	13.597.792.562	45.390.143.723
Tại ngày cuối năm	705.650.220	19.567.305.497	7.551.056.381	10.108.717.632	37.932.729.730

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.478.258.293 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 12.420.966.367 VND).

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản góp vốn 5.040.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ của PAIC. Do tổng số vốn góp của các cổ đông của PAIC thấp hơn vốn chủ sở hữu thực có của PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nên Ban Giám Đốc xác định không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	24.747.531.067	25.375.375.421
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.882.128.527	7.986.443.451
	29.629.659.594	33.361.818.872

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

2588
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ
KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC
DẦU KHÍ
VIỆT NAM
M.T.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
a) Nhà cung cấp khác				
Siemens Aktiengesellschaft (i)	2.481.428.597.874	2.481.428.597.874	2.481.428.597.875	2.481.428.597.875
General Electric Global Parts and Products GMBH (ii)	177.005.088.134	177.005.088.134	176.936.914.435	176.936.914.435
Các nhà cung cấp khác	13.522.686.185	13.522.686.185	29.980.768.416	29.980.768.416
b) Các bên liên quan				
(Chi tiết xem Thuyết minh số 23)	232.848.108	232.848.108	234.242.360	234.242.360
	2.672.189.220.301	2.672.189.220.301	2.688.580.523.086	2.688.580.523.086

(i) Phản ánh giá trị vật tư, thiết bị nhập từ Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Số dư nợ phải trả này và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được điều chỉnh khi Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan (như trình bày tại Thuyết minh số 07).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư phải trả General Electric Global Parts and Products GMBH bao gồm 172.243.844.962 VND tương đương 6.651.961 EUR (31/12/2017: 172.243.844.962 VND tương đương 6.651.961 EUR) liên quan đến hợp đồng cung cấp vật tư thể hệ MXL2 cho các tổ máy của nhà máy điện Nhơn Trạch 1. Khoản phải trả trên sẽ được quyết toán khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	59.576.165.651	64.370.973.636
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	42.847.144	42.847.144
b) Khách hàng khác		
Các khách hàng khác	1.002.977.088	252.977.088
	60.916.304.883	64.961.112.868

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	10.920.818.560	10.790.029.839	130.788.721
- Thuế GTGT đầu ra	-	9.227.067.029	9.096.278.308	130.788.721
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.693.751.531	1.693.751.531	-
Thuế nhập khẩu	-	781.974.367	781.974.367	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.961.371.369	4.238.888.250	5.512.692.522	3.687.567.097
Thuế thu nhập cá nhân	693.986.058	1.298.044.846	1.910.339.639	81.691.265
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
	5.655.357.427	17.245.726.023	19.001.036.367	4.030.835.804

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước cho dịch vụ đã thực hiện	12.000.000	66.860.957.380
Chi phí phải trả khác	1.899.876.367	86.000.000
	1.911.876.367	66.946.957.380

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cố tức phải trả	16.731.693.126	4.248.087.326
Bảo hiểm xã hội	5.008.276.491	414.169.819
Phải trả ngắn hạn khác	7.825.989.518	10.386.376.362
	29.565.959.135	15.048.633.507

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	15.303.102.810	28.163.121.721	193.466.224.531
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.612.639.679	25.612.639.679
Chia cổ tức năm 2016	-	-	(19.761.749.422)	(19.761.749.422)
Phân phối lợi nhuận	-	2.822.627.798	(8.473.715.240)	(5.651.087.442)
Tặng khác	-	-	181.286.470	181.286.470
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	18.125.730.608	25.721.583.208	193.847.313.816
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.693.298.346	16.693.298.346
Chia cổ tức (i)	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.561.263.968	(2.561.263.968)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(5.122.527.938)	(5.122.527.938)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	20.686.994.576	16.731.089.648	187.418.084.224

(i) Theo Nghị quyết số 64/NQ/ĐHCD-DKVT ngày 16 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng: 2.561.263.969 VND;
- Trích quỹ phúc lợi: 2.561.263.969 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.561.263.968 VND;
- Chia cổ tức: 18.000.000.000 VND;

Cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



11/07/2017

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
	150.000.000.000	100	150.000.000.000	150.000.000.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	242,75	308,75
Euro (EUR)	1.385,50	1.184,80

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Doanh thu		
Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ (i)	57.514.965.923	1.038.854.731.201
Doanh thu hàng thực thanh, thực chi	2.525.904.945	11.898.042.055
Doanh thu Công ty tự thực hiện	251.306.029.461	324.643.899.135
	311.346.900.329	1.375.396.672.391
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)	301.991.099.088	1.364.183.403.689
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	5.709.545.384	-
	305.637.354.945	1.375.396.672.391

(i) Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ trình bày các khoản doanh thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ thực hiện.

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Công ty thuê lại nhà thầu phụ thực hiện, giá vốn hàng thực thanh, thực chi và giá vốn tương ứng với doanh thu Công ty tự thực hiện.

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.646.167.687	993.618.183.318
Chi phí nhân công	141.322.760.656	145.403.762.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.559.606.445	9.569.409.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.022.275.934	172.943.531.774
Chi phí bằng tiền khác	22.341.659.396	23.681.885.737
	285.892.470.118	1.345.216.772.833

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.226.194.119	6.435.909.545
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	12.694.131	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.238.888.250	6.435.909.545

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	20.932.186.596	32.048.549.224
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	198.784.000	130.998.503
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.130.970.596	32.179.547.727
<i>Thuế suất thông thường (%)</i>	20	20
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.226.194.119	6.435.909.545
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	12.694.131	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.238.888.250	6.435.909.545

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm (VND)	16.693.298.346	25.612.639.679
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	(3.338.659.669)	(5.122.527.938)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	13.354.638.677	20.490.111.741
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	890	1.366

- (i) Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 16 tháng 4 năm 2018.

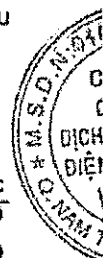
23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

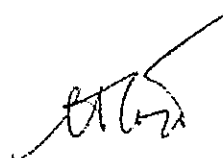
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	301.991.099.088	1.364.183.403.689
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	96.343.137.652	1.095.526.060.723
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	85.589.526.203	98.149.786.861
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	70.665.185.862	108.064.804.907
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	41.598.110.239	48.594.666.386
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	4.243.187.215	1.608.555.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	3.551.951.917	12.239.529.312
Chia cổ tức cho cổ đông	18.000.000.000	19.761.749.422
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	9.180.000.000	10.078.492.205
Các cổ đông khác	8.820.000.000	9.683.257.217
Phí quản lý		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	285.031.010	370.196.135
Phí quản lý nhà điều hành tại Cà Mau		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	569.029.136	530.178.902
Tiền điện, tiền thuê nhà tại Nhơn Trạch		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	139.050.541	206.790.110
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.195.417.415	2.677.299.810



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:


	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	377.593.051.728	444.005.097.399
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	199.124.626.588	296.332.443.494
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	88.558.206.867	70.832.511.352
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	52.060.171.262	18.609.673.117
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	34.236.503.896	54.053.164.719
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	3.418.185.760	88.470.553
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	195.357.355	4.088.834.164
Phải thu khác	13.416.687.953	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	7.083.705.332	-
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	6.332.982.621	-
Phải trả nhà cung cấp	232.848.108	234.242.360
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	198.753.750	188.749.000
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	34.094.358	13.668.548
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	31.824.812
Cổ tức phải trả	16.731.693.126	4.248.087.326
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	9.180.000.000	-
Các cổ đông khác	7.551.693.126	4.248.087.326
Người mua trả tiền trước	59.913.327.795	64.708.135.780
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	59.576.165.651	64.370.973.636
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	42.847.144	42.847.144




 Nguyễn Thị Mai Hoa
 Người lập biểu


 Lê Đình Thái
 Kế toán trưởng




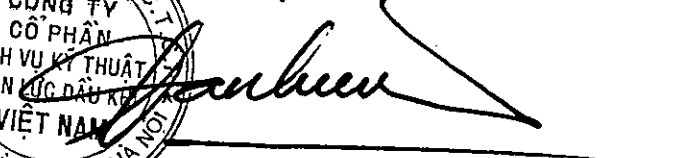

 Nguyễn Minh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2019



Ghi chú: Xem toàn văn Báo cáo tài chính tại website: www.pvps.vn

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Hiền

Q.Đ. P. N.